

Số: 37 /GPMT-UBND

Đắk Nông, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 025/CV-LNT ngày 25 tháng 9/2024 của Công ty TNHH Lộc Nam Tiến về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo, quy mô 2.400 con heo nái tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 171/TTr-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2024; Công văn số 2965/STNMT-CCBVMT ngày 05/11/2024 về việc giải trình ý kiến góp ý của các thành viên UBND tỉnh đối với cấp Giấy phép môi trường trại heo của Công ty TNHH Lộc Nam Tiến.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Lộc Nam Tiến, địa chỉ: Thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo, quy mô 2.400 con heo nái tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở**

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Dự án Trang trại chăn nuôi heo, quy mô 2.400 con heo nái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh

## Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400425216 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 18/9/2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 6400425216

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ cao, chuồng lạnh, khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở

- Phạm vi: Thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô thực hiện: Tổng diện tích đất sử dụng là 97.183 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 17.261,4 m<sup>2</sup>;

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 5.008 m<sup>2</sup>;

+ Diện tích công trình bảo vệ môi trường: 14.983m<sup>2</sup>;

+ Diện tích đất trồng cây xanh, thảm cỏ và đất trống: 59.930,6m<sup>2</sup>.

- Quy mô chăn nuôi: 2.400 con heo nái.

Là dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Lộc Nam Tiến

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

\* Sở Tài nguyên và Môi trường chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về việc thẩm định hồ sơ Giấy phép môi trường và nội dung tham mưu tại Tờ trình số 171/TTr-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2024.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo đúng quy định của pháp luật. /./

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT;
- UBND huyện Cư Jút;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Lộc Nam Tiến;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **37** /GPMT-UBND  
ngày **15** tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc trong khu vực nhà kỹ thuật, nhà ăn, nhà ở công nhân..., phát sinh khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm, được thu gom xử lý qua bể tự hoại và sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi khoảng 204,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 214,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu chứa tại hồ nước sau xử lý để bơm lên tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động của Trang trại như vệ sinh, làm mát chuồng trại, khử mùi sau quạt hút và tưới gốc cây trồng (cây lâm nghiệp và cây nông nghiệp) trong khuôn viên Trang trại.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Dòng nước thải**

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc trong khu vực nhà kỹ thuật, nhà ăn, nhà ở công nhân... được thu gom theo hệ thống đường ống PVC D114 chảy vào các bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Dòng nước thải chăn nuôi bao gồm nước thải chăn nuôi phát sinh từ khu chuồng nuôi và nước mưa rơi vào hồ, bể xử lý nước thải được thu gom về hố thu phân, hầm biogas, 02 hồ tùy nghi, hồ điều hòa sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại (công suất 272 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ)) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu trữ tại hồ chứa nước thải sau xử lý (có lót bạt).

**2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải**

Nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại (công suất 272 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ)) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu trữ tại hồ chứa nước thải sau xử lý (có lót bạt) sau đó tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động của Trang trại như vệ sinh, làm mát chuồng trại, khử mùi sau quạt hút và tưới gốc cây trồng (cây lâm nghiệp và cây nông nghiệp) trong khuôn viên Trang trại.

**2.3. Vị trí xả nước thải:** Dự án Trang trại chăn nuôi heo, quy mô 2.400 con heo nái, tại thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.



Tọa độ vị trí xả nước thải (hồ chứa nước thải sau xử lý để tuần hoàn, tái sử dụng): X: 1409882, Y: 430412 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $180^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

#### 2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Nước thải chăn nuôi, sinh hoạt là  $209,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Tương đương  $8,72\text{m}^3/\text{giờ}$ .

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy theo đường ống về hồ chứa nước sau xử lý và được bơm lên tái sử dụng như sau:

+ Vào mùa mưa:

\* Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, sinh hoạt là  $209,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

\* Lượng nước mưa rơi vào các bể trước xử lý là:

$17,611\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

\* Lượng nước mưa rơi vào các bể sau xử lý là:

$10,428\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

\* Lượng nước bị tổn thất trong các ngày mưa là  $18\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

\* Lượng nước tái sử dụng để vệ sinh chuồng trại, rửa đàn, làm mát, phun sương khử mùi sau quạt hút là  $136\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

\* Nước tưới cây vào mùa mưa trang trại sử dụng  $79,87\text{m}^3/\text{ngày}$  để tưới cây (2 lần tưới/tuần).

\* Lượng nước thải còn lại cần dự trữ lại trong mùa mưa:  $209,2 + 17,6 + 10,5 - 18 - 136 - 79,87 = 3,43\text{ m}^3/\text{ngày}$ . Mùa mưa có khoảng 173 ngày; như vậy, tổng lượng nước trữ được trong mùa mưa là:  $173 \times 3,43 = 593,39\text{m}^3$  so với thể tích thực tế của hồ chứa nước thải sau xử lý là  $9.750\text{m}^3$  thì đảm bảo lưu chứa nước trong mùa mưa.

+ Vào mùa nắng:

- Nước thải chăn nuôi, sinh hoạt là  $209,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Tương đương  $8,72\text{m}^3/\text{giờ}$ .

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy theo đường ống về hồ chứa nước sau xử lý và được bơm lên tái sử dụng như sau:

\* Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, sinh hoạt là  $209,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

\* Do mùa khô không có nước mưa rơi vào hồ xử lý nên Lượng nước lưu trữ lại trong mùa mưa cần tái sử dụng trong mùa khô  $593,39\text{m}^3/192\text{ ngày} = 3,09\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  (Số ngày không mưa trong khu vực là 192 ngày).

\* Lượng nước tái sử dụng để vệ sinh chuồng trại, rửa đàn, làm mát, phun sương khử mùi sau quạt hút là  $136\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

\* Lượng nước bốc hơi vào mùa khô là 23,069 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

\* Lượng nước còn lại để tưới cây trong mùa khô là: (209,2 + 3,09) – (136 + 23,069) = 53,221 m<sup>3</sup>/ngày.

Nhu cầu nước cần sử dụng để tưới cây trong mùa nắng là 119,8m<sup>3</sup>/ngày. Do đó, lượng nước tái sử dụng trong mùa khô đảm bảo tái sử dụng hết 100% lượng nước thải sau xử lý hàng ngày và lượng nước dư trữ lại trong mùa mưa.

- Chế độ xả nước thải:

Nước thải chẵn nuôi sau hệ thống xử lý tập trung tự chảy về hồ chứa nước sau xử lý: xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm.

Nước thải tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh, làm mát chuồng trại, khử mùi sau quạt hút và tưới gốc cho cây trồng trong khuôn viên trang trại: Xả nước thải là gián đoạn, theo thời điểm vệ sinh, làm mát chuồng trại, khử mùi sau quạt hút và tưới gốc cây.

- Chất lượng nước thải chẵn nuôi sau xử lý để tuần hoàn, tái sử dụng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, K<sub>f</sub> = 1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chẵn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chẵn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, K <sub>f</sub> = 1)	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT	
1	pH	-	5,5-9	5,5 - 9	3 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	100	-	
3	COD	mg/l	300	-	
4	TSS	mg/l	150	-	
5	Tổng N	mg/l	150	-	
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	-	
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	-	≤ 600	
8	Asen (As)	mg/l	-	≤ 0,1	
9	Cadimi (Cd)	mg/l	-	≤ 0,01	
10	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	≤ 0,5	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	≤ 0,002	
12	Chì (Pb)	mg/l	-	≤ 0,05	
13	E.coli	MPN/100ml	-	> 1.000 – 5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi được thể hiện như sau:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà ở công nhân, khu nhà ăn, nhà kỹ thuật... được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi: Được thu gom tách riêng khỏi hệ thống thoát nước mưa. Nước thải khu chuồng nuôi được thu gom về hố thu phân sau đó bơm về khu vực ép phân, nước thải sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại.

Tất cả hệ thống mương thu gom nước thải từ khu vực chuồng bằng bê tông cốt thép có nắp đậy, chiều dài tổng cộng khoảng 520 m; 20 m ống dẫn nước thải uPVC D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi tại trang trại như sơ đồ sau:

- Công suất thiết kế: 272 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Kích thước các hồ, bể của hệ thống xử lý nước thải như sau:

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước LxBxH (m)	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Cấu tạo
1	Hố thu phân	01	1x1x1,2	1,2	Tường và đáy bê tông 2 lớp: bê tông M250, bê tông lót 50 mm.
2	Hầm Biogas lớn	01	30x65x7	13.650	Đáy lót bạt HPDE dày 1 mm. Nắp phủ bằng bạt HPDE dày 1.5 mm, đổ đất đầm chặt neo bạt.
3	Hầm Biogas nhỏ	01	30x15x5	2.250	Đáy lót bạt HPDE dày 1 mm. Nắp phủ bằng bạt HPDE dày 0.5 mm, đổ đất đầm chặt neo bạt.
4	Hồ tùy nghi nhỏ	01	30x15x5	2.250	Nền đất tự nhiên đầm chặt, đáy hồ và bờ hồ lót bạt HPDE dày 1mm chống thấm.
5	Hồ tùy nghi lớn	02	30x50x7	21.000	Nền đất tự nhiên đầm chặt, đáy hồ và bờ hồ lót bạt HPDE dày 1mm chống thấm.
6	Hồ điều hòa	01	30x50x7	10.500	Nền đất tự nhiên đầm chặt, đáy hồ và bờ hồ lót bạt HPDE dày 1mm chống thấm.
7	<b>CỤM XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>				
-	Bể sinh học thiếu khí	02	6,6x 5,6x5	369,6	Tường bê tông cốt thép M250 dày 200mm. Nền bê tông cốt thép M250 dày 400mm, bê tông lót M100 dày 100mm, nền đất đầm chặt.
	Bể sinh học hiếu khí	02	6,6x 5x5	330	
	Bể lắng sinh học	01	4,8x 4,8x 5	115,2	

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước LxBxH (m)	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Cấu tạo
-	Bể keo tụ	01	2,3x1,6x5	18,4	
-	Bể tạo bông	01	2,3x1,6x5	18,4	
-	Bể lắng hóa lý	01	4,8x3,3x5	79,2	
-	Bể khử trùng	01	6,6 × 2,0 × 5	66	
-	Bể chứa bùn	02	(4,8×3,1×5) + (6,6x2x5)	140,4	
8	Hồ chứa nước sau xử lý	01	60x25x6,5	9.750	Đáy lót bạt HPDE dày 1mm. Nền đất tự nhiên đầm chặt neo bạt.
9	Hồ sục cố	01	30x50x5,5	8.250	Đáy lót bạt HPDE dày 1mm. Nền đất tự nhiên đầm chặt neo bạt.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, NaOH, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.

- Bố trí công nhân vận hành theo đúng hướng dẫn của đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước; hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng các chất bẩn.

- Bố trí máy bơm, đường ống, tủ phân phối điện cố định và máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với những khu vực có nền đất yếu như bờ của các hồ xử lý nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý sẽ được gia cố, đầm nén chặt và trồng bổ sung cây xanh ở những khu vực vị trí xung yếu, bờ có độ dốc cao.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc ngay, nước thải sẽ được bơm vào hồ sục cố để lưu trữ tạm thời.

- Trường hợp chất lượng nước thải không đạt QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT (phát hiện thông qua một số sự cố trong quá trình chăn nuôi hoặc qua công tác kiểm tra nước thải đầu ra



định kỳ), phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh để khắc phục kịp thời. Sau khi kiểm tra, khắc phục (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu), nước thải sau xử lý tiếp tục được tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 272m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ 01 Vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

+ 01 Vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (theo cam kết của chủ đầu tư), cụ thể như sau:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 05 mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

+ Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 7 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

*Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.*

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tuần hoàn, tái sử dụng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho các hoạt động của trang trại để thực hiện các biện pháp khắc phục, sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải mới bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước

thải chưa xử lý ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo đúng quy định khi trang trại có nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng áp dụng QCVN 01-195:2022/BNNPTNT; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.



**Phụ lục 2**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **37** /GPMT-UBND  
ngày **19** tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu, nhập, xuất heo và chăm sóc vật nuôi (cho heo ăn).
- Nguồn số 2: Mùi hôi trong khu vực chuồng trại chuồng trại.
- Nguồn số 3: Mùi hôi từ hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải.
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng 250 KVA (phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi máy phát điện dự phòng hoạt động).
- Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ hầm Biogas, phát sinh khoảng 30 m<sup>3</sup>/h.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống làm mát, hầm biogas, thiết bị đốt gas thừa, quạt hút để tránh xảy ra các sự cố môi trường.
- Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải để đảm bảo khí thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.
- Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải, mùi hôi ra môi trường xung quanh.
- Thường xuyên có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại bể điều hòa hiệu khí tránh hiện tượng yếm khí, hạn chế mùi phát sinh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Định kỳ tiến hành công tác vệ sinh đường ống, hồ ga thu gom nước thải để tránh phân, nước thải ứ đọng làm phát sinh mùi.
- Đối với mùi hôi sau quạt hút: Xây dựng khung lưới che chắn kết hợp với hệ thống phun chế phẩm sinh học khử mùi để hạn chế mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh khu vực.
- Khí Biogas thừa sẽ được về lò đốt khí gas dư với công suất sử dụng nhiên liệu là 30m<sup>3</sup>/giờ và được lắp đặt cách xa khu vực chuồng nuôi của dự án.
- Đường ống dẫn khí Biogas được sử dụng vật liệu chống ăn mòn (PVC) đảm bảo hạn chế hư hỏng đường ống phát tán khí Biogas ra môi trường./.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 37 /GPMT-UBND  
ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn từ máy bơm nước thải và máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Quạt hút sau các dãy chuồng, khu vực hệ thống xử lý nước thải.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của quạt hút:
  - + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt. Bôi trơn ổ bi, vệ sinh cánh quạt và tấm mở của quạt.
  - + Đảm bảo mật độ cây xanh của cơ sở.
- Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy bơm nước thải, máy phát điện dự phòng:
  - + Bố trí khu vực nhà đặt máy phát điện riêng với khu nhà ở công nhân.

+ Bố trí khu vực đặt máy bơm nước thải cách ly với khu vực nhà ở công nhân, chuồng trại chăn nuôi.

+ Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: (không).

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực dự án và người dân gần khu vực dự án./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **37** /GPMT-UBND  
ngày **19** tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
<b>I Chất thải nguy hại dạng rắn</b>					
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	12	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	36	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu không nêu tại mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	36	
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 02 02	60	
5	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y,...)	Rắn	14 01 06	120	
6	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/lỏng/bùn	14 02 02	120	
7	Bao bì mềm (gồm bao bì thuốc thú y)	Rắn	18 01 01	120	
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	12	
9	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)(*)	Rắn	14 02 01	-	
<b>II Chất thải nguy hại dạng lỏng</b>					
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	12	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
<b>Tổng</b>				<b>528</b>	

(\*): Chỉ phát sinh khi có sự cố dịch bệnh xảy ra.

### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chăn nuôi thông thường phát sinh

- Phân heo: Phân heo được thu gom trực tiếp có khối lượng khoảng 2.798,3 kg/ngày và phân heo sau khi tách ra khỏi nước thải có khối lượng khoảng 1.305,5kg/ngày.

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 150,15kg/ngày.

- Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng bình quân 7-10 năm thay 1 lần, mỗi lần thay khoảng 2,24 tấn.

### 1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

#### 1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: rác thải sinh hoạt như: vỏ lon, chai nhựa, bìa giấy, bao bì, thức ăn thừa...

- Khối lượng phát sinh: khoảng 40 kg/ngày, tương đương 14,6 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có dán nhãn.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 35 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch tô 2 mặt, quét vôi màu trắng, mái lợp tôn, cửa ra vào khung sắt, có gờ bao. Có dán biển cảnh báo, rãnh thoát nước mưa xung quanh tránh nước mưa chảy tràn vào bên trong... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chăn nuôi thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì

- Khu vực lưu chứa, ủ phân sau khi ép:

+ Diện tích khu vực nhà đặt máy tách phân là 30m<sup>2</sup> và chứa phân: 120m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Tường xây gạch chỉ đặc dày 220, vữa xi măng M50, mái lợp tôn dày 4,2zem, nền bê tông, có cửa ra vào khung sắt.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác tập trung bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 15, 20 và 120 lít.



- Khu vực lưu chứa: Thùng rác được bố trí tại các khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn, khu vực nhà kỹ thuật.

- Diện tích khu vực để rác: 20m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của nhà để rác: tường bao che xây gạch, mái lợp tôn, nền bê tông.

- Đối với các chất thải có thể tái chế như: nhựa, chai lọ, hộp giấy,... sẽ thu gom và lưu giữ riêng tại kho chứa chất thải rắn thông thường. Sau đó bán cho các đơn vị thu mua làm vật liệu tái chế.

- Đối với chất thải không thể tái chế được như là thực phẩm thừa,... sẽ được thu gom vào thùng chứa rác, hằng ngày được đưa về hố chôn lấp.

- Hố chôn lấp rác: Hố chôn lấp rác được bố trí phía Tây Nam Trang trại. Rác sau khi đầm nén sẽ được phủ một lớp đất trung gian và phun chế phẩm sinh học EM Pro 1 hạn chế mùi hôi, giảm thiểu vi sinh vật gây bệnh.

- Khi dịch vụ thu gom rác được thực hiện đến khu vực trang trại, Chủ Trang trại sẽ ký hợp đồng thu gom rác với đơn vị có chức năng.

- Ban hành nội quy giữ gìn vệ sinh chung tại Trang trại và thường xuyên nhắc nhở công nhân nghiêm túc thực hiện.

#### 2.4. Yêu cầu khác

Thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt theo Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 16/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### 3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (nếu có):

Không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn chăn nuôi thông thường:

#### \* Xử lý xác heo chết do bệnh thông thường và nhau thai

Hố huỷ xác với diện tích 72 m<sup>2</sup> chia làm 3 ngăn, tường thành xây gạch tô 2 mặt quét hồ dầu chống thấm, đáy và mặt nắp hố đổ bê tông cốt thép, định kỳ phun chế phẩm.

#### \* Ủ phân

- Loại chất thải tự tái chế, tái sử dụng: Phân heo, bùn từ hệ thống xử lý nước thải.

- Khối lượng chất thải tự tái chế, tái sử dụng:

+ Phân heo: 4.103,8kg/ngày, tương đương với 1.497,9 tấn/năm.

+ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: 150,15kg/ngày, tương đương với 54,8tấn/năm.



- Tóm tắt quy trình công nghệ tái chế, tái sử dụng:

Phân heo sau tách ép, bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được đưa về nhà chứa phân để ủ phân, với diện tích 120 m<sup>2</sup>, sau đó sử dụng bón cho cây trồng trong khu vực trang trại và còn dư thì sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh chết hàng loạt, biện pháp xử lý thực hiện theo Điều 30 Luật Thú y về xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Kế hoạch số 593/KH-BCH ngày 16/9/2024 của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2030 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.



## Phụ lục 5

### **YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 37 /GPMT-UBND  
ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

3. Quản lý các chất thải, mùi phát sinh trong quá trình hoạt động của trang trại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-Cp ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố môi trường xảy ra do vận hành cơ sở.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của trang trại cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi Giấy phép.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy



phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.

---

